

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN RINE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN RINE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RINE VIETNAM INVESTMENT AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: RINE VIETNAM.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107276314

**3. Ngày thành lập:** 05/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 5, ngách 33, phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979547085

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Nhà khách, nhf nghỉ kinh doanh du lịch lưu trú ngắn ngày<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5510     |
| 2.  | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>- Chỗ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5590     |
| 3.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4761     |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610     |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5621     |
| 6.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; | 5629     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202        |
| 8.  | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Thiết lập trang thôn tin điện tử<br>- Thiết lập website thương mại điện tử<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312        |
| 9.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp các nội dung và dịch vụ gia tăng trên mạng điện thoại di động, trên mạng internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6329        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649        |
| 11. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4773        |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |
| 13. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo về kỹ năng sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính | 8559        |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8560        |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6619(Chính) |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7020        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 17. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm hoạt động cho thuê lại lao động, hoạt động giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép) | 7810                                                                |
| 18. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8211                                                                |
| 19. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8219                                                                |
| 20. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                  | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ NGÀ     | Thôn Nam Yên, Xã Hải Yên, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10        | 172191953                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TUYÊN | Khu chợ trung tâm huyện Thuận Thành, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 45        | 125237434                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 45        |                                                                                             |         |
| 3   | BÙI QUANG QUÂN   | Thôn Lai Khê, Xã Cộng Hòa, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 900.000    | 9.000.000.000         | 45        | 142235219                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                              | Tổng số           | 900.000    | 9.000.000.000         | 45        |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUYÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Ngày sinh: 11/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125237434

Ngày cấp: 27/06/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Khu chợ trung tâm huyện Thuận Thành, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 38, ngõ 403, phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội